| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **36**/2018/QĐST-HNGĐ | *S, ngày 01 tháng 03 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn**: Ông **Nguyễn Minh H** - Sinh năm: 1982

Nơi ĐKHKTT: Tổ 10 Khu vực II G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Bị đơn**: Bà **Trần Thị U**- Sinh năm: 1980

Nơi ĐKHKTT: Khu vực 5, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 01 phường P, quận S, TP Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biện bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị U *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 12 tháng 05 năm 2014).*

2.Công nhận thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị U.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 20/05/2015 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, thời gian thực hiện bắt đầu từ 01/2018.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị U xác định không có.

- Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), ông H và bà U mỗi người chịu một nửa nhưng ông H tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 008412 ngày 19/ 12/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.*( Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*) ông Nguyễn Minh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điêu 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND thị trấn P, huyện P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN THỊ TRÂM**